

Số: 964 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại xăng dầu Phúc Tân thuê đất, để thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu số 1 Phúc Tân, tại xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 3500/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Phổ Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 193/TTr-STNMT ngày 23 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất

1. Cho phép Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại xăng dầu Phúc Tân được chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 905,9m² đất sản xuất

nông nghiệp (do Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại xăng dầu Phúc Tân đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ các hộ, gia đình cá nhân - phần nằm trong chỉ giới quy hoạch) sang đất thương mại, dịch vụ.

(Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo)

2. Cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại xăng dầu Phúc Tân thuê đất (đợt 1) diện tích 919,9m², bao gồm:

- Diện tích 905,9m² đất cho phép chuyển mục đích tại Mục 1 nêu trên;
- Diện tích 14,0m² đất do UBND thành phố Phổ Yên đã thực hiện thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân không có quyền chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đã tự nguyện trả lại đất, theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ).

- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 15/6/2073 (Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1365/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê.

3. Thu hồi 31,0m² đất (đã được Công ty TNHH đầu tư và thương mại xăng dầu Phúc Tân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân - phần nằm ngoài chỉ giới quy hoạch) tại xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên, giao cho UBND xã Phúc Tân quản lý theo quy hoạch.

(Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo)

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý) phục vụ công tác thuê đất dự án Cửa hàng xăng dầu số 1 Phúc Tân thuộc tờ bản đồ địa chính số 74, xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên, do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 08/4/2024, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22/4/2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Phổ Yên, UBND xã Phúc Tân, Công ty TNHH đầu tư và thương mại xăng dầu Phúc Tân theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất;
- Thông báo cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại xăng dầu Phúc Tân nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại xăng dầu Phúc Tân sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại xăng dầu Phúc Tân có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, ranh giới; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Phổ Yên, Chủ tịch UBND xã Phúc Tân, Giám đốc Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại xăng dầu Phúc Tân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

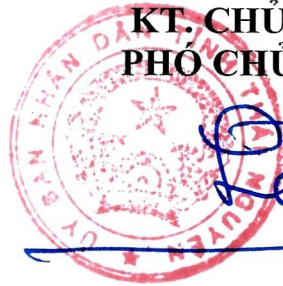
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

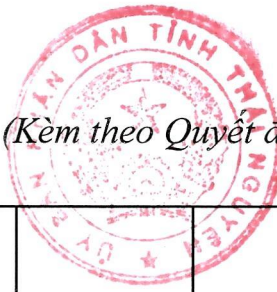
Thuat. QĐ/2024



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiên



Phụ lục 01

(Kèm theo Quyết định số: **964** /QĐ-UBND ngày **09** tháng **5** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Diện tích cho phép chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ (m ²)	Ghi chú
1	74	86	148,0	LUK	78,9	
2	74	100	138,0	LUK	138,0	
3	74	368	88,0	LUK	88,0	
4	74	386	87,0	LUK	87,0	
5	74	98	108,0	LUK	108,0	
6	74	99	72,0	LUK	72,0	
7	74	88	138,0	LUK	120,8	
8	74	89	54,0	BHK	26,2	
9	74	90	212,0	LUK	187,0	
Tổng cộng			1.045,0		905,90	



Phụ lục 02

(Kèm theo Quyết định số: **964** /QĐ-UBND ngày **09** tháng **5** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m ²)			Ghi chú
			Tổng số	Diện tích cho thuê (m ²)	Diện tích bàn giao cho UBND xã Phúc Tân quản lý (m ²)	
1	74	86	148,0	78,9	6,0	
2	74	100	138,0	138,0		
3	74	368	88,0	88,0		
4	74	386	87,0	87,0		
5	74	98	108,0	108,0		
6	74	99	72,0	72,0		
7	74	88	138,0	120,8		
8	74	89	54,0	26,2		
9	74	90	212,0	187,0	25,0	
10	74	1134	14,0	14,0		
Tổng cộng			1.059,0	919,9	31,0	